

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình và bà Lương Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Chi- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 161/2024/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ánh N, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi thường trú: Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi tạm trú: Tổ 1, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi thường trú: Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ánh N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn N kết hôn năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, chị và anh N có tìm hiểu nhau, việc kết hôn nhận được sự đồng thuận của hai bên gia đình, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới, chị về nhà chồng làm dâu và sinh sống cùng gia đình chồng tại Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng cuối năm 2010, chị và anh N có ra ở riêng (xây nhà riêng trên đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh N). Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Khoảng cuối năm 2020, vợ

chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ, không cho chị giao lưu với bạn bè cùng công ty và có những lời nói xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị. Vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Anh N có rượu chè, thường xuyên quấy nhiễu bố mẹ đẻ chị. Chị đã rất nhiều lần cho N cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh N không thay đổi. Đến tháng 7/2024 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Hiện nay, chị đang sống cùng bố mẹ đẻ tại Tổ 1, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2011 và Phạm Khánh T, sinh ngày 15/6/2017. Khi ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn N trình bày:

Anh và chị N kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bài Lài, thị xã Sông Công (thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới chị N về nhà anh làm dâu. Vợ chồng ở chung với gia đình một thời gian rồi ăn ở riêng. Trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng sống cơ bản hòa thuận hạnh phúc. Nhưng một vài năm gần đây khi chị N đi ăn uống với bạn bè cùng công ty, anh có hay gọi điện nhắc về sớm, hạn chế uống rượu. Anh thấy sau khi ăn cơm tại nhà, chị N hay nhắn tin với ai đó, anh có gắng hỏi là ai nhưng chị N chỉ bảo là bạn nhưng không cho anh biết là bạn nào, nên anh có nổi nóng và vợ chồng có nảy sinh cãi vã. Thỉnh thoảng khi chị N ra ngoài, đi với bạn bè, anh có đề nghị gọi video nhưng chị N không bao giờ quay bạn bè, nên anh có nảy sinh nghi ngờ và dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Gia đình nội ngoại, đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị N không nghe, vẫn nhất quyết đề nghị ly hôn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh cho rằng vợ chồng có những mâu thuẫn không đáng có trong cuộc sống, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, vợ chồng chăm sóc nhau. Trường hợp, chị N nhất quyết ly hôn, thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2011 và Phạm Khánh T, sinh ngày 15/6/2017. Khi ly hôn, do cháu Thiện là bé trai nên việc anh trực tiếp quan tâm chăm sóc và giáo dục sẽ dễ hơn nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Phạm Khánh T, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Phạm Thị Thu H. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

- Về nội dung và phương án giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2011 và Phạm Khánh T, sinh ngày

15/6/2017 cho chị N được nuôi dưỡng, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị N tự nguyện chi toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Ánh N và bị đơn là anh Phạm Văn N. Bị đơn cư trú tại Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. *Về nội dung vụ án*.

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 28/10/2009 giữa chị Nguyễn Ánh N và anh Phạm Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quang, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian với nhau đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã xô sát. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, nghi ngờ ghen tuông dẫn đến có hành động lời nói thiếu tôn trọng nhau. Phía chị N cho rằng do anh N ghen tuông vô cớ, không cho chị giao lưu với bạn bè và có những lời nói xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị do đó, chị không chịu được nên đã bỏ về nhà bố mẹ để ly thân với chồng. Anh N cho rằng chị N không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải, nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh N có hai con chung Phạm Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2011 và Phạm Khánh T, sinh ngày 15/6/2017. Xét nguyện vọng của hai cháu Huyền và cháu Thiện đều mong muốn được ở với mẹ.

Toà án tiến hành xác minh tại công an xã Tân Quang về nơi cư trú và tình hình sinh hoạt tại địa phương của cháu Phạm Thị Khánh Huyền và Phạm Khánh T, được biết: Hiện nay, cháu Huyền và cháu Thiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường

trú tại Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, cùng hộ khẩu với anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Ánh N. Về quá trình sinh sống tại địa phương chính quyền địa phương chưa nhận được bất cứ thông tin nào liên quan đến bạo hành gia đình. Quá trình tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ chị N và anh N đều cung cấp được các tài liệu chứng minh các bên đều có nơi ở và thu nhập ổn định.

Xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, điều kiện sinh sống của chị N và anh N, Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bên đều đủ điều kiện nuôi con chung, tuy nhiên cháu Huyền là con gái 13 tuổi, đang độ tuổi dậy thì, thay đổi về tâm sinh lý cần giao con cho mẹ nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp; đối với cháu Thiện, là con trai, 8 tuổi nên giao cho bố nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần yêu cầu các bên cấp dưỡng nuôi con. Sau khi đã ly hôn, chị N và anh N vẫn có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Trong vụ án này, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ánh N được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2011 cho chị Nguyễn Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Phạm Khánh T sinh ngày 15/6/2017 cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị N và anh N có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 000845 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).

Báo cho chị N và anh N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- UBND xã Tân Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Loan